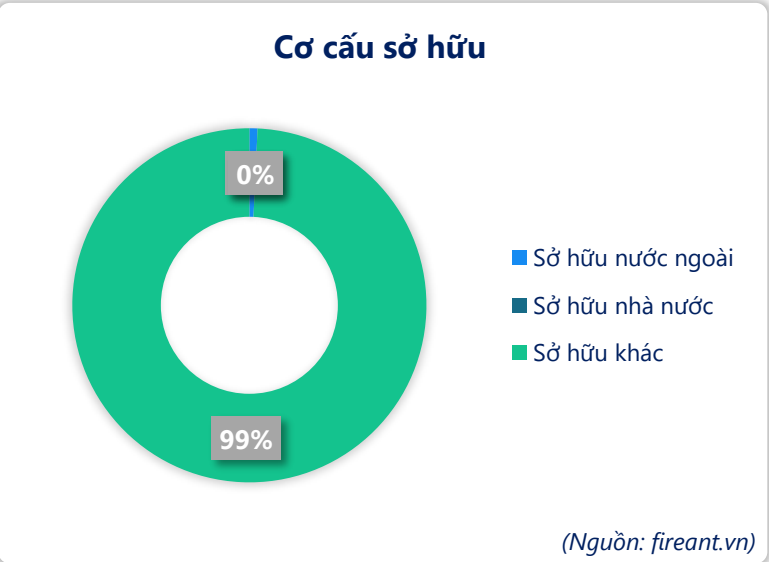
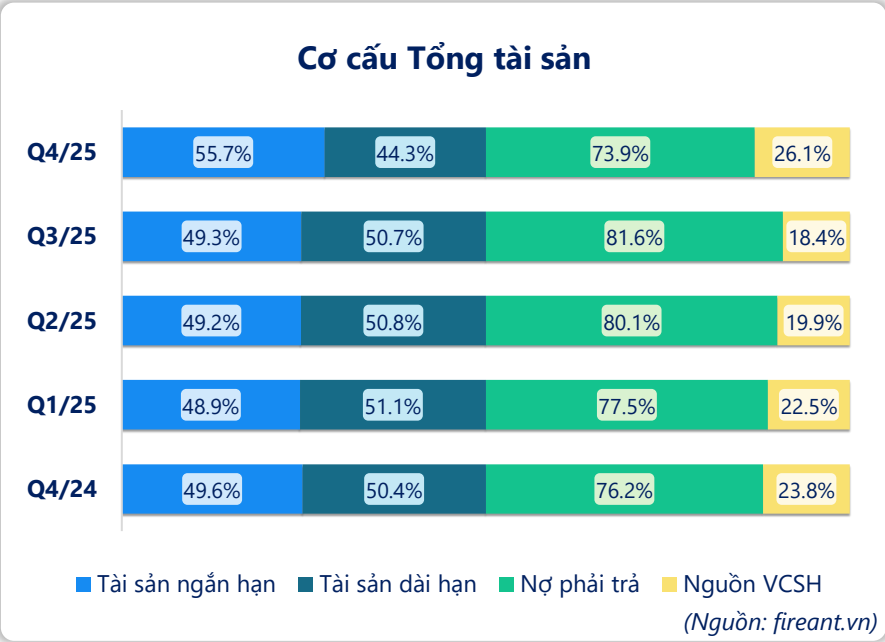
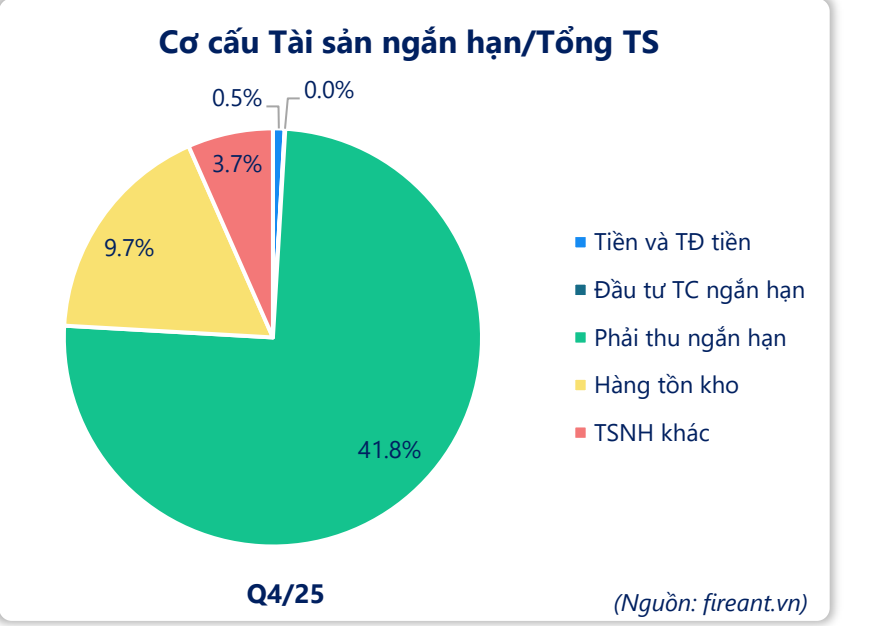
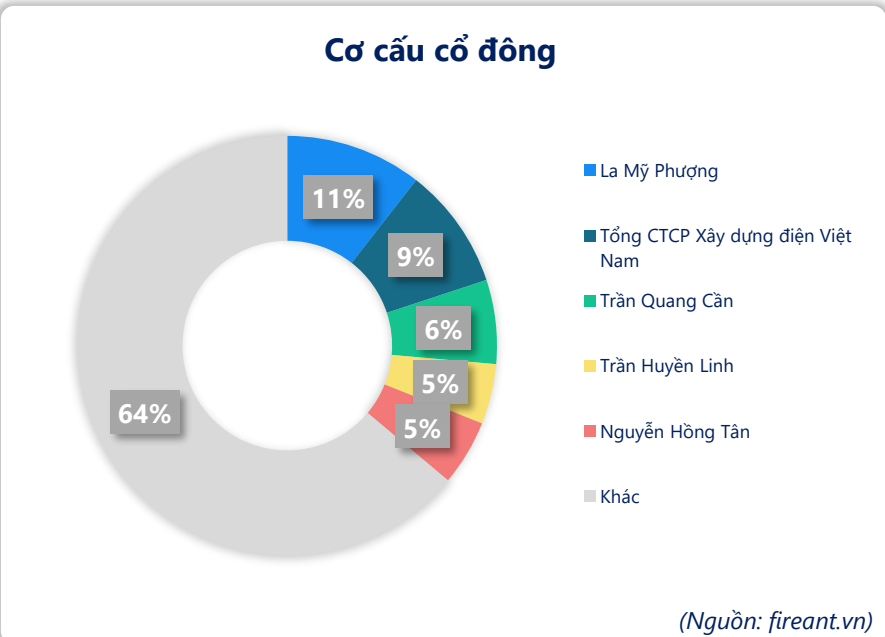
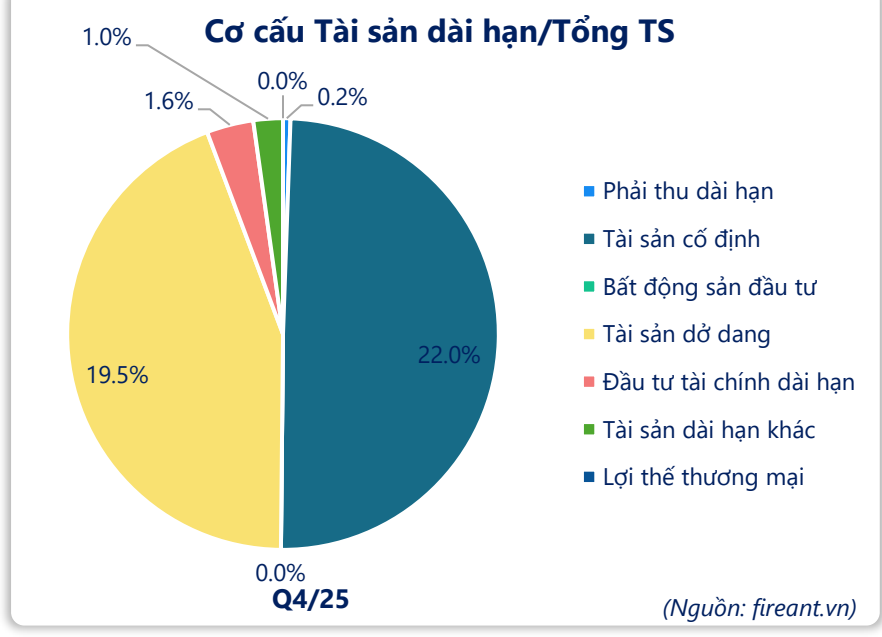
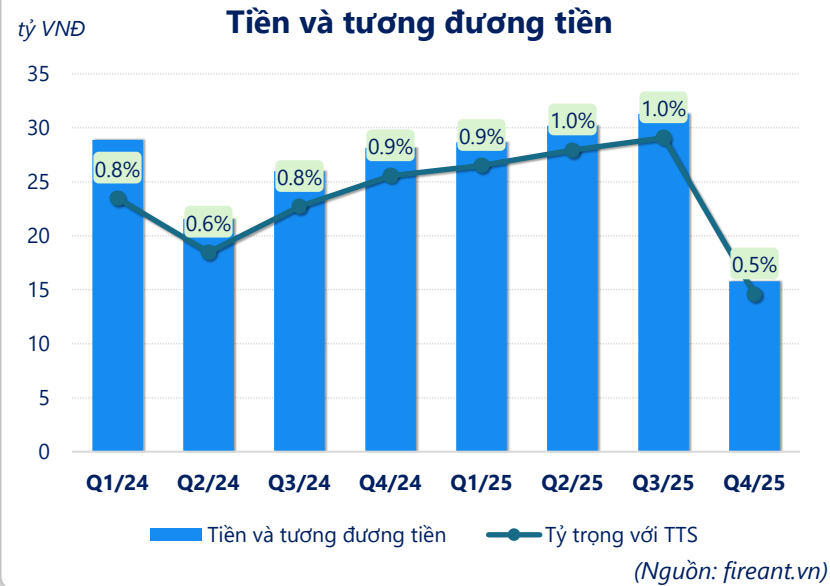
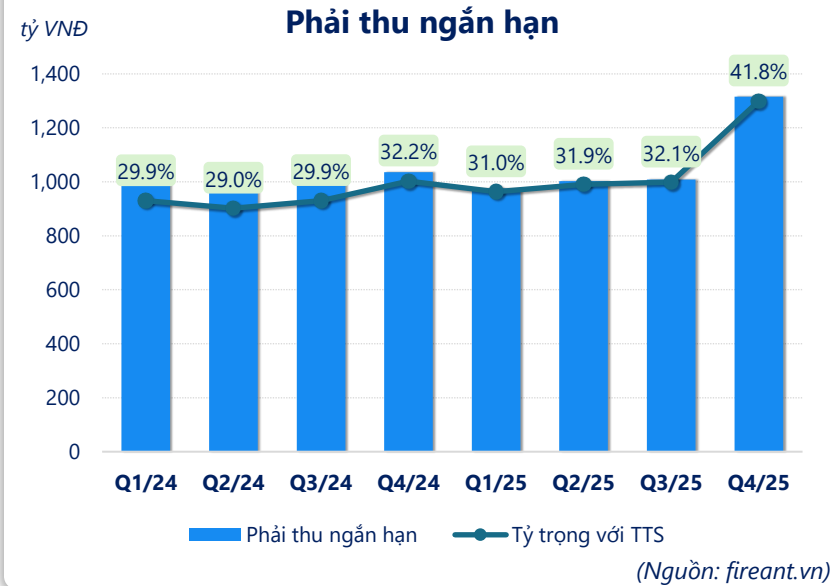
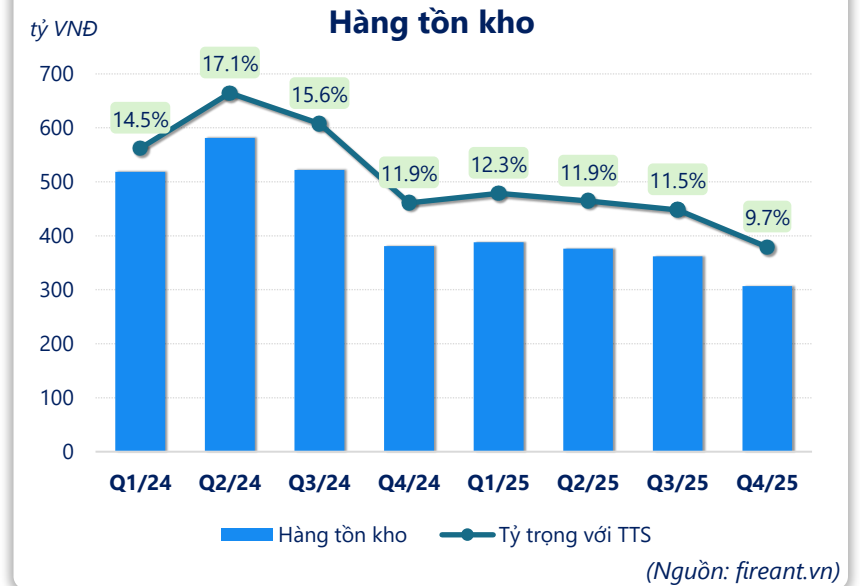
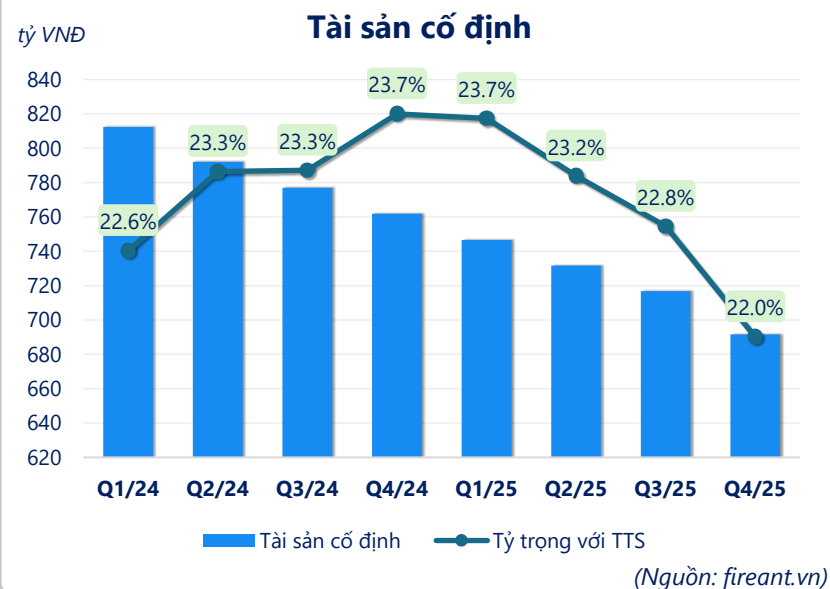
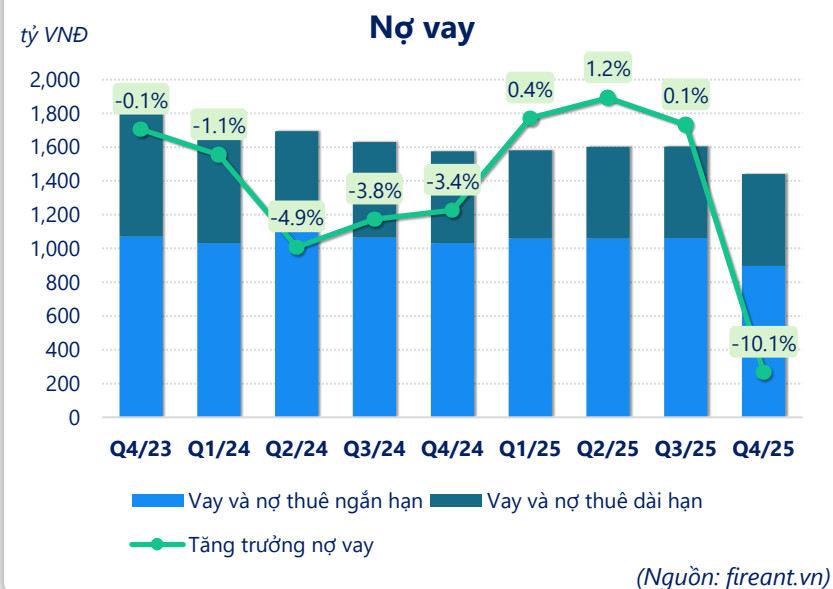
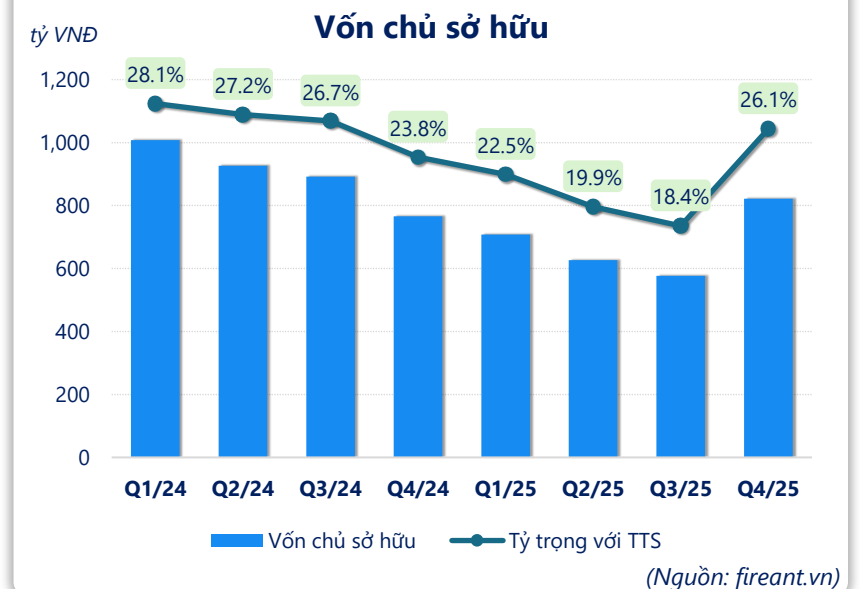
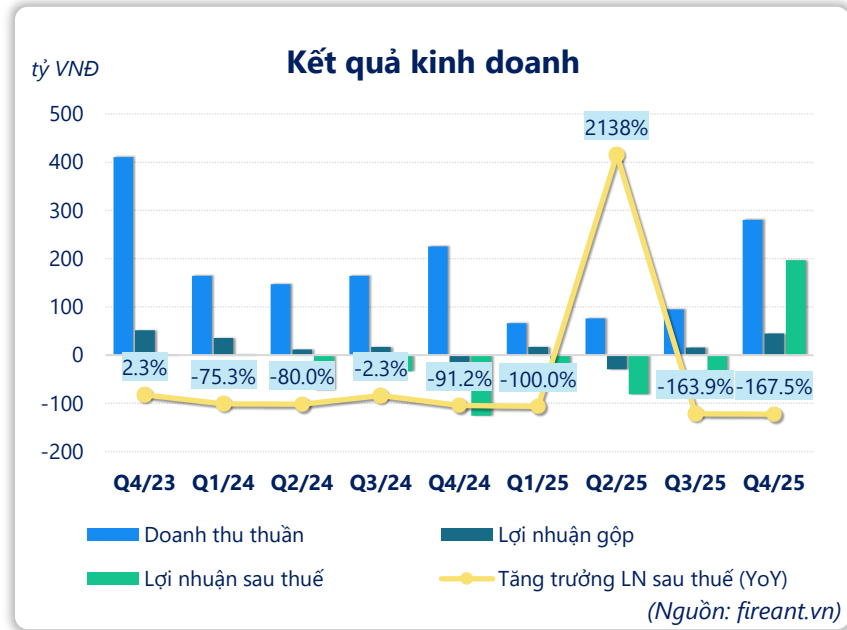
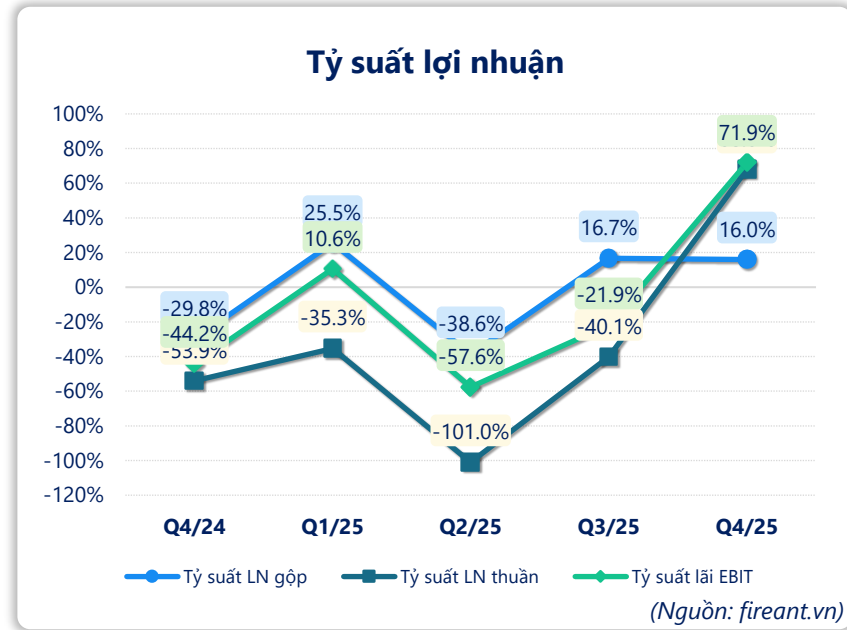
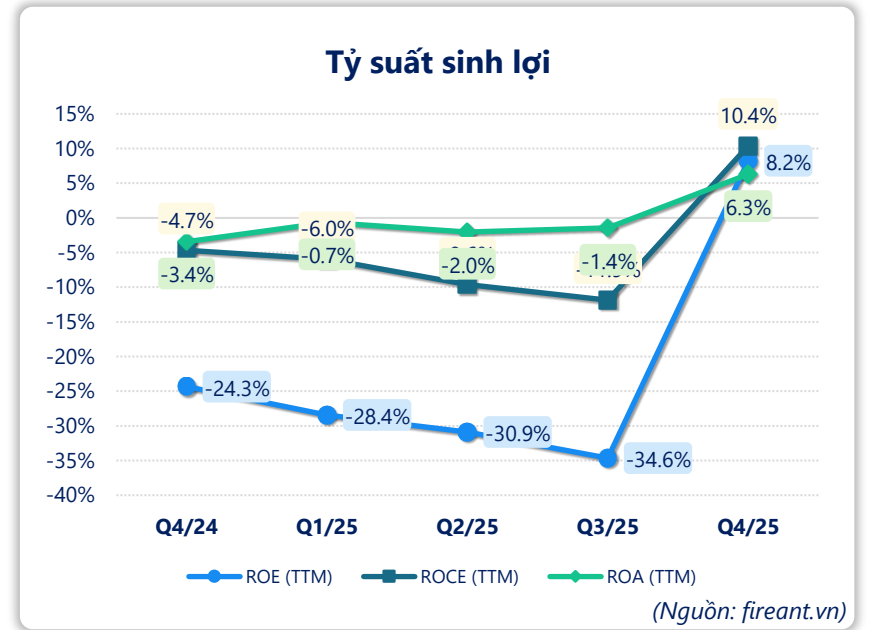
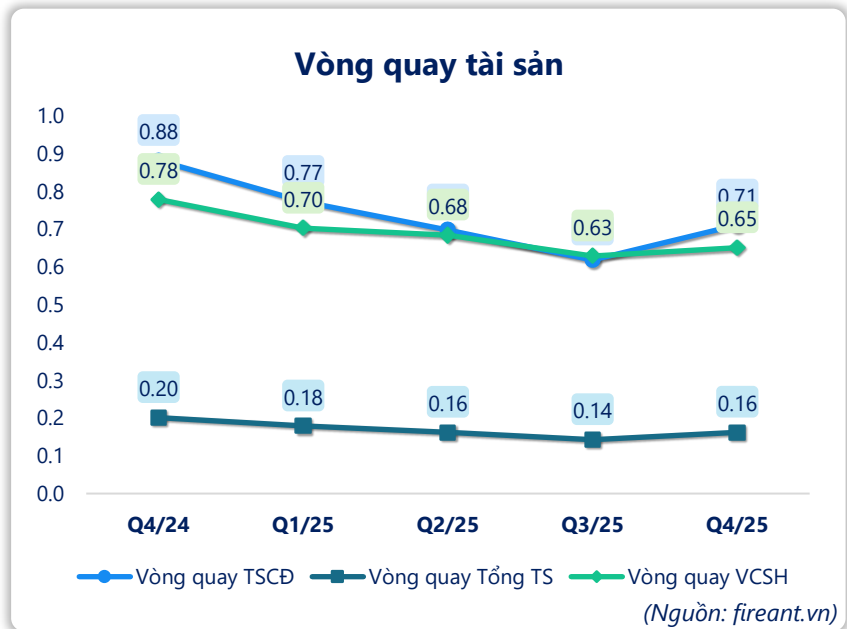
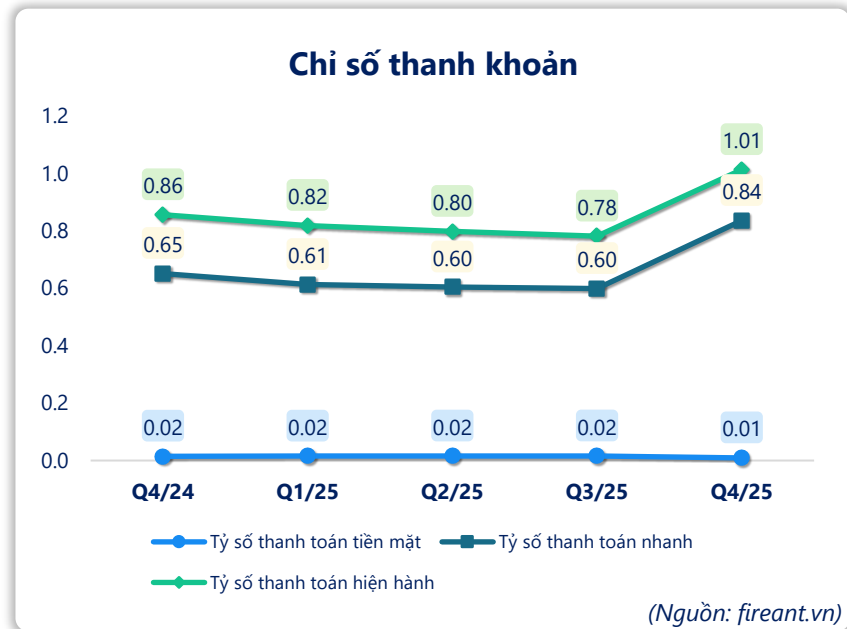
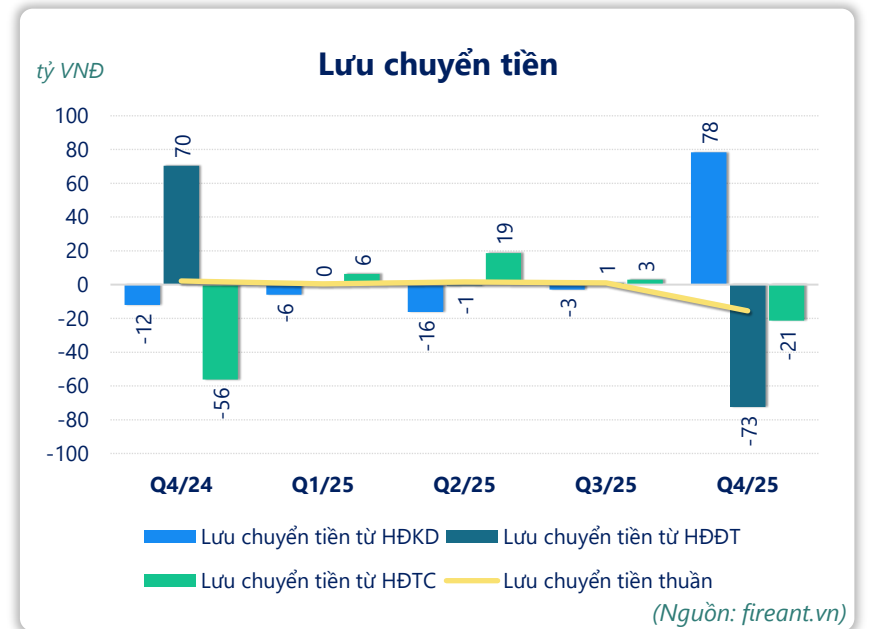


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		5,520
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		8,380
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		2,360
SL cổ phiếu LH		82,055,233
KLGD BQ 20 phiên (CP)		359,645
% sở hữu nước ngoài		0.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		453
P/E		6.9
EPS		798

	YTD	1T	3T	6T
VNE	55.1%	-13.3%	-27.7%	12.2%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	3,149	3,181	-1.0%
Tài sản ngắn hạn	1,755	1,563	12.3%
Tiền và tương đương tiền	15.8	28.1	-43.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.80	9.12	-91.2%
Phải thu ngắn hạn	1,315	1,005	30.9%
Hàng tồn kho	307	380	-19.3%
Tài sản ngắn hạn khác	116	141	-17.6%
Tài sản dài hạn	1,394	1,617	-13.8%
Phải thu dài hạn	7.80	7.27	7.3%
Tài sản cố định	692	762	-9.2%
Bất động sản đầu tư	0	102	-100%
Tài sản dở dang	615	672	-8.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	49.0	39.7	23.4%
Tài sản dài hạn khác	30.8	34.5	-10.8%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	2,328	2,449	-5.0%
Nợ ngắn hạn	1,734	1,868	-7.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	897	1,031	-13.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	316	364	-13.2%
Nợ dài hạn	594	581	2.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	544	543	0.1%
Nguồn vốn chủ sở hữu	822	732	12.3%
Vốn chủ sở hữu	822	732	12.3%
Vốn điều lệ	904	904	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	225	65.9	76.2	94.4	280
Giá vốn hàng bán	292	49.1	106	78.6	235
Lợi nhuận gộp	-67.1	16.8	-29.4	15.8	44.9
Doanh thu HĐTC	0.30	0.06	0.04	0.19	125
Chi phí TC	36.7	30.6	38.5	43.7	16.8
Chi phí lãi vay	20.3	30.4	34.3	29.2	8.57
LN trong công ty LKLD	-0.30	0.08	-0.14	-1.86	2.11
Chi phí bán hàng	0.22	0.16	0	0.06	0.01
Chi phí QLDN	17.5	9.40	8.90	8.22	-34.9
LN thuần từ HĐKD	-121	-23.3	-76.9	-37.9	190
Lợi nhuận khác	1.69	-0.15	-1.21	-12.0	2.28
LN trước thuế	-120	-23.4	-78.1	-49.9	193
Lợi nhuận sau thuế	-126	-23.5	-81.3	-49.7	197
LNST của CĐ cty mẹ	-120	-22.1	-66.1	-46.5	200

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-12.0	-5.96	-16.3	-2.94	78.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	70.4	0.05	-0.94	1.07	-72.5
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-56.2	6.41	18.7	2.99	-21.4
Tiền đầu kỳ	26.0	28.1	28.6	30.2	31.3
Lưu chuyển tiền thuần	2.15	0.51	1.54	1.12	-15.5
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0	0.00	0	0
Tiền cuối kỳ	28.1	28.6	30.2	31.3	15.8

(Nguồn: fireant.vn)